| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG TRẠCH**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày: 29-7-2022
"*V/v tranh chấp đòi lại tài sản*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Ngọc Thực

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Anh Huê

2. Ông Nguyễn Văn Tạo

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Bá Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-TCDS ngày 11/5/2021 về "tranh chấp về đòi lại tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS, ngày 10/11/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Trần Thị An - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 02/02/2020, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:* Do có mối quan

hệ quen biết, làm ăn với nhau nên ngày 10/12/2011, bà đã cho bà Huỳnh Thị L vay số tiền là 34.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng. Bà L có viết giấy vay mượn tiền của bà và hẹn 20 ngày sau khi đáo hạn Ngân hàng xong sẽ trả lại cho bà. Tuy nhiên, đến hẹn bà L vẫn không trả tiền đã vay cho bà mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu bà L phải trả nợ. Ngoài khoản vay trên, vào ngày 06/11/2012, bà L còn vay của bà khoản vay 10.000.000 đồng nhưng không ghi giấy tờ gì và bà L đã trả được 8.300.000 đồng, còn lại 1.700.000 đồng bà không yêu cầu bà L phải trả nợ. Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bà yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Huỳnh Thị L phải trả cho bà một lần toàn bộ số tiền nợ gốc trên và trả tiền lãi chậm trả cho bà tính trên số tiền gốc chưa trả theo quy định

*Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, bị đơn bà Huỳnh Thị L thống nhất trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết, làm ăn với nhau nên vào năm 2011, bà có vay của bà Phạm Thị L số tiền là 34.000.000 đồng, vay qua hình thức bắt phường nhưng thực tế bà L chỉ đưa 28.000.000 đồng, còn 6.000.000 đồng được bà L giữ lại để tính tiền lãi. Để thanh toán khoản tiền vay trên mỗi ngày bà trả cho bà L số tiền 200.000 đồng. Sau khi thanh toán được 14.000.000 đồng vì làm ăn khó khăn nên bà đã không trả cho bà L số tiền còn lại. Qúa trình buôn bán hàng tạp hóa, bà L có đến lấy hàng tạp hóa tương ứng 3.000.000 đồng và được trừ vào số tiền đã vay. Sau đó thỉnh thoảng bà L đến nhà lấy khi 300.000 đồng, khi 500.000 đồng. Bà cho rằng hiện tại chỉ còn nợ bà L số tiền 4.000.000 đồng. Đối với tiền lãi cũng được trừ và trả lãi đầy đủ. Quá trình trả nợ bà không có giấy tờ hay sổ sách ghi chép gì. Ngoài khoản vay nợ trên bà không vay từ bà L khoản vay nào khác. Bà L thừa nhận còn nợ bà L nhưng không đưa ra được phương thức thực hiện nghĩa vụ trả nợ về thời gian, số tiền trả nợ.

*Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" đối với bị đơn bà Huỳnh Thị L. Buộc bà Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L tổng số tiền là 33.700.000 đồng, bao gồm: tiền gốc là 25.700.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng; buộc bà Huỳnh

Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp sung ngân sách nhà nước.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị L phải thanh toán khoản tiền nợ của bà. Vì vậy, xác định đây là "tranh chấp đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do có mối quan hệ quen biết, làm ăn với nhau nên ngày 10/12/2011, bà Phạm Thị L đã cho bà Huỳnh Thị L vay với số tiền là 34.000.000 đồng, có viết giấy vay mượn tiền, điều này được hai bên thừa nhận. Như vậy, việc ký kết, xác lập vay mượn tiền giữa bà L với bà L là hoàn toàn có thực, đúng thực tế, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận, phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do bà L vi phạm nghĩa vụ, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà L nên bà L khởi kiện yêu cầu trả khoản tiền còn nợ là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ.

[2.2] Đối với ý kiến, đề nghị của bị đơn về khoản vay, khoản tiền đã trả, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L thừa nhận về khoản tiền đã vay của bà L và cho rằng mình đã thanh toán gần hết khoản nợ bằng các hình thức như: mỗi ngày bà trả cho bà L số tiền 200.000 đồng và đã trả được 14.000.000 đồng; bà L lấy hàng tạp hóa của gia đình bà tương ứng số tiền là 3.000.000 đồng hay thỉnh thoảng bà L đến nhà bà lấy tiền khi 300.000 đồng, khi 500.000 đồng và hiện tại bà chỉ còn nợ lại bà L số tiền là 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình trả nợ bà L lại không có giấy tờ hay sổ sách, chứng từ, chứng cứ, tài liệu gì ghi chép lại việc giao, nhận tiền trả nợ hay lấy hàng giữa các bên. Bà L không cung cấp, giao nộp được cho Tòa án các chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, bà L có thừa nhận đã nhận của bà L số tiền trả nợ là 8.300.000 đồng và theo bà L thì số tiên này là trả nợ của khoản vay khác 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L cũng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu chứng minh là bà L vay 10.000.000 đồng và bà L trả tiền cho khoản vay này. Khoản vay này cũng không được bà L thừa nhận. Do vậy, việc bà L có thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L là có cơ sở, được xem là trả nợ của khoản vay. Đối với

khoản tiền trả nợ khác hay lấy hàng như bà L trình bày không được bà L thừa nhận và không có chứng cứ, tài liệu chứng minh nên không có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền bà L đã trả cho bà L được bà L thừa nhận là 8.300.000 đồng, trả vào tiền gốc. Còn lại số tiền 25.700.000 đồng (34.000.000 đồng - 8.300.000 đồng = 25.700.000 đồng) chưa trả nên buộc bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà L là hoàn toàn phù hợp.

[3] Xét yêu cầu tính lãi và khoản tiền lãi phải trả của các bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà L yêu cầu ngoài số tiền gốc phải trả thì bà chỉ yêu cầu bà L trả cho bà số tiền lãi là 8.000.000 đồng và bà L cũng thống nhất như yêu cầu của bà L về trả khoản tiền lãi trên. Do vậy, buộc bà L phải trả khoản tiền lãi này là phù hợp.

[4] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền là 33.700.000 đồng, bao gồm: tiền gốc là 25.700.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của bà Phạm Thị L được Tòa án chấp nhận. Bà Phạm Thị L thuộc đối tượng người có công được miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" đối với bị đơn bà Huỳnh Thị L.

Buộc bà Huỳnh Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị L tổng số tiền là 33.700.000 đồng, bao gồm: tiền gốc là 25.700.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng

*"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự".*

2. Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thị L phải chịu số tiền án phí là 1.685.000 đồng để nộp sung ngân sách nhà nước.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/7/2022).

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thực**